

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-PT
Ngày: 27 tháng 01 năm 2022
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Lệ Thủy

Các Thẩm phán:

Ông Cao Minh Vỹ

Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Thái Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DSST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2020/QĐ-PT ngày 27/10/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2020/QĐ-PT ngày 10/11/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐPT-DS ngày 19/01/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2022/TB-TA ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị VH, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp SX 2, xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Anh Phan Bá C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã Ea, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Theo Giấy ủy quyền số 1838, quyền số 02/2020 – SCT/CK,ĐC lập ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại UBND xã SX)

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: Số 336/72 Phan Văn T, phường X, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 00083, quyền số 01/2021/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại Văn phòng Công chứng Lê QH)

- Bị đơn:

1. Cụ Chu Thị Đ, sinh năm 1937 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp SX 2, xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Anh Nguyễn Hữu AH, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp SX 2, xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Anh Nguyễn Hữu AQ, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp SX 2, xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị HT, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 2, ấp SX 2, xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Cụ Chu Thị Đ, anh Nguyễn Hữu AH, anh Nguyễn Hữu AQ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị VH trình bày:**

- *Về quan hệ nhân thân:* Bà Phan Thị VH và ông Nguyễn HH là vợ chồng hợp pháp. Ông H chết ngày 29/12/2000 theo Giấy chứng tử số 04 14/3/2000 của Ủy ban nhân dân xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông H có cha là cụ Nguyễn Hữu H2 (hy sinh năm 1967) và mẹ ruột là cụ Chu Thị Đ. Vợ chồng bà H, ông H có 03 người con gồm Nguyễn Hữu AH, Nguyễn Hữu AQ và Nguyễn Thị HT. Ngoài ra, ông H không có con ruột, con nuôi nào khác. Ông H chết không để lại di chúc.

- *Về yêu cầu khởi kiện:*

Bà H yêu cầu công nhận $\frac{1}{2}$ tài sản của bà trong khối tài sản chung vợ chồng gồm tổng diện tích đất 25.605m² của các thửa đất số 155, 239, 240, 241, 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 21-12-2019, căn nhà cấp 4, cây trồng, vật kiến trúc trên đất và $\frac{1}{2}$ tài sản còn lại là di sản của ông H thì đề nghị chia thừa kế cho Hng thừa kế thứ nhất gồm cụ Đ, bà H, AH, AQ, chị T.

- *Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất và nhà:* Năm 1984 bà H và ông H kết hôn và chung sống với mẹ chồng là cụ Đ tại Nghệ An. Đến tháng 6/1990 thì vợ chồng bà H vào lập nghiệp tại xã SX. Khi đi, vợ chồng bà H đi có mang theo 1.200.000đ là tiền bán tài sản vợ chồng trong đó có 1 con trâu của mẹ chồng cho với giá 180.000đ.

Nguồn gốc diện tích đất 25.605m² nêu trên là của ông Pha S đã vượt biên đi Mỹ nên đất giao cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã SX, thị xã P) quản lý; đến tháng 6 năm 1990 thì vợ chồng bà H nhận chuyển nhượng thông qua ông Trần Đình G là Bí thư xã H thời điểm đó, gồm diện tích đất 25.605m² thuộc thửa đất số 119 + 155 (số thửa cũ), tờ bản đồ số 10 và căn chòi với giá 3.000.000đ, thỏa thuận 3 năm sẽ thanh toán đủ. Do không đủ tiền nhận chuyển nhượng đất và đầu tư trồng cây lâu năm trên đất nên vợ chồng bà đã vay của những người thân cả hai bên gồm: vay của bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị L (cô của ông H) 4 chỉ vàng 24K; vay của cha mẹ ruột bà H 1.500.000 đ; vay của anh ruột bà H là ông Phan Hồng V 3.500.000 đồng (vay năm 1990 và năm 1992). Đến năm 2000, thì vợ chồng bà H đã trả dứt điểm các khoản nợ.

Cụ Chu Thị Đ đến tháng 8 năm 1990 thì bán tài sản ở quê tại Nghệ An vào sống cùng với vợ chồng bà H. Cụ Đ bán nhà được 700.000đ, đất bán được 900.000đ

nhưng người mua trả trước 300.000đ, còn nợ lại 600.000đ đến năm 1995 trả dứt điểm. Bà H xác nhận cụ Đ có đưa số tiền 1.000.000 đ cho bà để phụ giúp vợ chồng bà chi tiêu sinh hoạt gia đình. Đến năm 2009, cụ Đ có đưa cho bà H 7.000.000 đ để phụ sửa chữa nhà.

Về căn nhà trên đất thì khi mua là căn chòi gỗ lợp giấy dầu; đến năm 1993 thì vợ chồng bà H sửa chữa thành nhà cấp 4; đến năm 2009 bà H sửa chữa lại như hiện tại, ngoài ra vợ chồng bà còn khoan giếng, xây sân bê tông và trồng cây lâu năm như bưởi, cacao, cà phê, điều, tiêu...trên đất.

Sau khi ông H chết, gia đình bà H đã nhiều lần họp bàn để phân chia di sản của ông H nhưng không thành nên bà H khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đồng ý hòa giải và đã được lập biên bản ghi nhận nên bà đề nghị Hội đồng xét xử công nhận kết quả hòa giải của gia đình bà.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn cụ Chu Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ nhân thân: Cụ Đ đồng ý như lời khai bà H.
- Về nguồn gốc phân đất và nhà đang tranh chấp:

Cụ Đ là vợ ông Nguyễn Hữu H1 (hy sinh năm 1967), cụ ở với các con tại nhà từ đường họ Nguyễn Hữu tại Nghệ An cho đến năm 1990 do kinh tế khó khăn nên cụ quyết định bán toàn bộ gia sản để theo con trai trưởng là ông Nguyễn HH lập nghiệp tại xã SX, thị xã P.

Qua giới thiệu của ông Trần Đình G (hiện không biết địa chỉ) là Bí thư Đảng bộ xã H thời điểm năm 1989 thì gia đình cụ Đ đã mua lại 02 thửa đất số 119, 155 với giá 2,6 lượng vàng 24k. Thời điểm này 02 thửa đất trên thuộc quyền quản lý của chính quyền xã H do đất vắng chủ và trên đất đã có trồng cây cà phê và 01 ngôi nhà lá. Ông H cùng hai cô ruột là bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L là những người trực tiếp nhận chuyển nhượng đất; ông H trả trước 1,3 lượng vàng 24k và nợ lại 1,3 lượng vàng 24k. Số vàng 1,3 lượng mà ông H trả trước là do cụ Đ bán trâu, bò và các đồ dùng gia đình ở quê đưa cho ông H. Đến 01 năm sau, khi cụ Đ bán được nhà, đất ở quê cộng với số tiền 700.000 đồng mượn của ông Nguyễn Hữu Th thì cụ Đ và ông H đã trả hết tiền mua đất; sau này nợ của ông Th cũng đã trả hết.

Mặt khác, vào năm 1985 bà H mới kết hôn với ông H và sống phụ thuộc vào gia đình chồng, vợ chồng bà H liên tiếp sinh 03 người con và trong giai đoạn này tình hình kinh tế xã hội khó khăn, làm không đủ ăn nên vợ chồng bà H không có tiền để mua đất và tạo dựng gia sản riêng. Do đó, cụ Đ xác định toàn bộ nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất nêu trên là tiền của gia tộc cụ Đ bán tài sản ở quê đưa vào và không có số tiền nào là của vợ chồng ông H.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà H, cụ Đ đề nghị phân chia tài sản trên thành 04 phần: cụ Đ hưởng 01 phần; bà H 01 phần; 01 phần làm nhà thờ từ đường cho họ tộc "Nguyễn Hữu"; 01 phần là di sản của ông H thì chia cho 5 người thừa kế của ông H gồm cụ Đ, bà H, AH, AQ, chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, cụ Đ đồng ý hòa giải và việc hòa giải đã được lập biên bản ghi nhận nên cụ đề nghị Hội đồng xét xử công nhận kết quả hòa giải thành.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Hữu AH trình bày:*

AH thống nhất với trình bày của cụ Đ trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Ngoài ra, AH cho biết việc AH ký vào “Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” ngày 12-8-2003 là do bà H yêu cầu vì lúc đó gia đình đang nợ ngân hàng nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại đứng tên ông H. Do đó, để thuận tiện trong các giao dịch với ngân hàng nên AH mới ký vào văn bản trên nhưng việc ký này không thể hiện ý chí của AH về chuyển di sản thừa kế ông H để lại cho bà H. Sau khi ký văn bản trên, AH trực tiếp làm các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đứng tên bà H. Tuy nhiên, do bà H không trả các khoản chi phí sang tên nên AH vẫn giữ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

AH xác định toàn bộ quyền sử dụng đất bà H tranh chấp là tài sản có nguồn gốc của gia tộc họ Nguyễn Hữu do cụ Đ và cụ H1 (chết năm 1967) tạo dựng nên AH không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của bà H mà đề nghị xác lập tài sản này thành di sản chung của dòng họ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, AH đồng ý hòa giải và việc hòa giải đã được lập biên bản ghi nhận nên anh đề nghị Hội đồng xét xử công nhận kết quả hòa giải thành.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Hữu AQ trình bày:*

AQ thống nhất với ý kiến của cụ Đ trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, AQ đồng ý hòa giải và việc hòa giải đã được lập biên bản ghi nhận nên anh đề nghị Hội đồng xét xử công nhận kết quả hòa giải thành.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị HT trình bày:*

Chị T là con của ông H, bà H. Vào năm 1990, cha mẹ chị T cùng hai anh trai chị T là AH và AQ từ Nghệ An vào sinh sống tại xã H (nay là xã SX). Theo chị T, nguồn gốc tài sản tranh chấp là do cha mẹ chị T tạo lập. Chị T không phủ nhận công sức của một số cô bác bà con đã giúp gia đình chị T trong việc tạo dựng, sửa chữa nhà, trồng trọt trên các thửa đất hiện nay nhưng việc xác định các thửa đất trên là đất của gia tộc là không đúng với thực tế.

Năm 2000 ông H bị bệnh mất và không lập di chúc. Năm 2003, gia đình chị T có lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản của ông H để lại và do chị còn nhỏ nên phần tài sản chị T được hưởng do bà H giám hộ. Việc phân chia tài sản đã được bàn bạc trong gia đình và hoàn toàn tự nguyện, có cả cụ Đ tham gia nhưng không ký tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T đồng ý hòa giải và việc hòa giải đã được lập biên bản ghi nhận nên chị đề nghị Hội đồng xét xử công nhận kết quả hòa giải thành.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DSST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P đã quyết định như sau:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị VH về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

[1.1] Chia di sản thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng diện tích đất 12.802,5m² nằm trong tổng diện tích đất 25.605m² của các thửa số 155, 239, 240, 241, 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và ½ số tài sản gồm: Căn nhà chính loại 4, nhà phụ loại 2, sân bê tông, giếng đào, giếng khoan là di sản do ông Nguyễn HH chết để lại không có di chúc.

[1.2] Công nhận và giao cho bà Phan Thị VH được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 12.802,5m² nằm trong tổng diện tích đất 25.605m² của các thửa đất số 155, 239, 240, 241, 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 21-12-2019 (kèm theo bản án).

[1.3] Công nhận cho bà Phan Thị VH được quyền sở hữu 01 căn nhà chính loại 4 (diện tích 89m²), 01 nhà phụ loại 2 (diện tích 83m²), 01 sân bê tông (diện tích 129m²), 01 giếng đào và 01 giếng khoan trên các phần đất được công nhận.

[1.4] Bà Phan Thị VH phải thanh toán lại giá trị tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế gồm cụ Chu Thị Đ, anh Nguyễn Hữu AQ, anh Nguyễn Hữu AH và chị Nguyễn Thị HT mỗi người với số tiền 1.297.638.600 đồng (một tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

[1.5] Anh Nguyễn Hữu AH có trách nhiệm giao lại cho bà Phan Thị VH bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 155, 239, 240, 241 và 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp AH không giao lại cho bà H các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì bà H có quyền liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về đất đai để làm thủ tục xin cấp lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[2] Đối với toàn bộ số cây trồng trên các thửa đất số 155, 239, 240, 241 và 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được xác định thuộc quyền sở hữu của bà Phan Thị VH nên không giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/7/2020 cụ Chu Thị Đ, anh Nguyễn Hữu AH, anh Nguyễn Hữu AQ có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DSST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã P theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, chia khối di sản thành 04 phần, một phần chia cho bà Đ, một phần cho bà H, một phần làm nhà thờ từ Đ cho họ tộc “Nguyễn Hữu”, một phần chia 05 phần thừa kế, trong đó có bà Đ, AH, AQ. AH, AQ đồng ý nhường lại kỷ phần được chia cho bà Đ.

** Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/01/2022:*

Sau khi Hội đồng xét xử hòa giải, nguyên đơn bà Phan Thị VH và bị đơn cụ Chu Thị Đ, anh Nguyễn Hữu AH, anh Nguyễn Hữu AQ, người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị HT đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Bà Chu Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất 9.995 m² thuộc thửa 241, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã SX, thị xã P.

- Bà Phan Thị VH được quyền sử dụng diện tích đất 5.243 m² thuộc thửa 240 và 4.739 m² thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã SX, thị xã P.

- Chị Nguyễn Thị HT được quyền sử dụng diện tích đất 2.891 m² thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã SX, thị xã P.

- Đối với thửa 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P được chia làm 6 phần, mỗi phần có cạnh ngang mặt tiền đường lớn 10 m kéo xuống khoảng 8m đến cuối thửa 119 (các cạnh trước tọa độ 7 đến 8 và sau tọa độ 6 đến 9 của các phần bằng nhau) theo sơ đồ vị trí khu đất ngày 21/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P: Cụ Đ, AH, AQ, chị T mỗi người 01 phần; bà H được 02 phần. Trong đó phần diện tích thửa 119 thuộc quyền sử dụng của cụ Đ, AH, AQ có 50m² đất ở; phần diện tích thửa 119 thuộc quyền sử dụng của bà H 25 m² và bà T có 25m².

Số liệu diện tích các đương sự đồng ý theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã P lập ngày 21/12/2019.

- Thời hạn đến 30-7-2022 anh Nguyễn Hữu AQ sẽ di dời toàn bộ cây kiềng trên các thửa 240, 239, 155.

- Các công trình, vật kiến trúc, cây cối hoa màu gắn liền với đất ở thửa đất thuộc quyền sử dụng của người nào thì người đó được sở hữu.

- Sau khi quyết định có hiệu lực thì AH có trách nhiệm bàn giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 240, 239, 155 cho bà H chị T; các bên có trách nhiệm tạo điều kiện để làm thủ tục sang tên, cấp giấy.

- Các bên chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các đương sự đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tạm ngừng phiên tòa 19/01/2022 và tiến hành yêu cầu cơ quan địa chính đo tách và điều chỉnh lại sơ đồ vị trí thửa 119 theo phương án thỏa thuận trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/01/2022, các đương sự vẫn giữ nguyên kết quả đã thỏa thuận tại phiên tòa ngày 19/01/2022 và thống nhất sơ đồ vị trí điều chỉnh chia các phần diện tích tại thửa 119 tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P như thỏa thuận

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của cụ Chu Thị Đ, anh Nguyễn Hữu AH, anh Nguyễn Hữu AQ phù hợp quy định tại Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự và nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, việc hòa giải của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/01/2022 của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật và tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất cùng ký tên trong sơ đồ vị trí điều chỉnh chia các phần diện tích tại thửa 119 tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1]. Xét tính hợp lệ của đơn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bà Chu Thị Đ, anh Nguyễn Hữu AH, anh Nguyễn Hữu AQ nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị VH và bị đơn cụ Chu Thị Đ, anh Nguyễn Hữu AH, anh Nguyễn Hữu AQ, người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị HT đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như trên. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

*** Về án phí:**

Do tại giai đoạn phúc thẩm không có yêu cầu định giá tài sản nên Hội đồng xét xử căn cứ giá định của cấp sơ thẩm để tính án phí cho các đương sự.

-Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được hưởng thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần được nhận. Cụ Chu Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật

-Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cụ Chu Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định pháp luật

* Về chi phí tố tụng khác: Các đương sự đã giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, như sau:

1.1. Công nhận và giao cho cụ Chu Thị Đ được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng diện tích 9.995 m² (đất nông nghiệp) thuộc thửa 241, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã SX, thị xã P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA 034782 được Ủy ban nhân dân huyện T (thị xã P) cấp ngày 06/5/2016. Cụ Đ được sở hữu căn nhà chính loại 4, căn nhà phụ loại 2, sân bê tông, 01 giếng đào, 01 giếng khoan; toàn bộ cây trồng lâu năm gắn liền trên thửa đất 241.

1.2. Công nhận và giao cho bà Phan Thị VH được quyền sở hữu đối với:

+ Quyền sử dụng diện tích 5.243 m² (gồm đất nông nghiệp + 100 m² đất ở) thuộc thửa 240, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã SX, thị xã P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 034781 được Ủy ban nhân dân huyện T (thị xã P) cấp ngày 06/5/2016.

+ Quyền sử dụng diện tích 4.739 m² (gồm đất nông nghiệp + 100 m² đất ở) đất thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã SX, thị xã P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CA 034780 được Ủy ban nhân dân huyện T (thị xã P) cấp ngày 06/5/2016.

Bà H được sở hữu toàn bộ cây trồng lâu năm, vật kiến trúc gắn liền trên thửa đất 240, 239 tờ bản đồ 10.

1.3. Công nhận và giao cho chị Nguyễn Thị HT được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng diện tích đất 2.891 m² (đất nông nghiệp) thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã SX, thị xã P theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 362485 được Ủy ban nhân dân huyện T (thị xã P) cấp ngày 02/3/2015. Chị T được sở hữu toàn bộ cây trồng lâu năm, vật kiến trúc gắn liền trên thửa đất.

1.4. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân chia diện tích 2.737 m² thuộc thửa 119, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã SX, thị xã P như sau:

- Bà Phan Thị VH được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất diện tích 922,4 m² thuộc Lô I +II (có tọa độ điểm 1, 2, 3, 4, 13, 14) thửa đất số 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trong đó có 25 m² đất ở và 897,4 m² đất nông nghiệp.

- Chị Nguyễn Thị HT được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất diện tích 456,3 m² thuộc Lô III (có tọa độ điểm 4, 5, 12, 13) thửa đất số 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trong đó có 25 m² đất ở và 431,3m² đất nông nghiệp.

- Anh Nguyễn Hữu AQ được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất diện tích 453,4 m² thuộc Lô IV (có tọa độ điểm 5, 6, 11, 12) thửa đất số 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trong đó có 25 m² đất ở và 428,4 m² đất nông nghiệp.

- Anh Nguyễn Hữu AH được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất diện tích 451,7 m² thuộc Lô V (có tọa độ điểm 6, 7, 10, 11) thửa đất số 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trong đó có 25 m² đất ở và 426,7 m² đất nông nghiệp.

- Cụ Chu Thị Đ được quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất diện tích 451,7 m² đất nông nghiệp thuộc Lô VI (có tọa độ điểm 7, 8, 9, 10) thửa đất số 119, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Diện tích đất thuộc thửa 119 theo giấy chứng nhận số BX362484 được Ủy ban nhân dân huyện T (thị xã P) cấp đổi ngày 12/5/2016 cho bà Phan Thị VH có diện tích 2.594 m² (100 m² đất ở và 2.494 m² đất nông nghiệp) và thực tế đo vẽ 2.737 m² ranh giới không thay đổi; quy hoạch đất ở nông thôn và đất giao thông nên các đương sự có nghĩa vụ thực hiện đúng quy định của UBND tỉnh BR-VT về tách thửa.

(Vị trí và diện tích đất, tài sản trên các thửa đất được xác định theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lập ngày 21/12/2019 và sơ đồ tự thỏa thuận phân lô của các đương sự ngày 27/01/2022, đính kèm theo theo bản án này).

1.5. Anh Nguyễn Hữu AH có trách nhiệm giao lại cho bà Phan Thị VH bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 239, 240, tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và giao lại cho chị T bản chính

các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất số 155 tờ bản đồ số 10 tại xã SX, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.6. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký và chỉnh lý quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.7. Thời hạn đến 30-7-2022, anh Nguyễn Hữu AQ sẽ di dời toàn bộ cây kiểng đang kinh doanh trồng trên các thửa 240, 239, 155, tờ bản đồ 10 của bà H, chị T.

2. Án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Chu Thị Đ.

Bà Phan Thị VH nộp 113.484.000đ án phí DSST được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.149.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0008076 ngày 13-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (nay là thị xã P). Như vậy, bà H còn phải nộp số tiền 90.335.000 đồng (chín mươi triệu ba trăm ba mươi năm nghìn đồng) án phí.

Chị Nguyễn Thị HT nộp 62.402.000 đ (Sáu mươi hai triệu bốn trăm lẻ hai nghìn đồng) án phí.

Anh Nguyễn Hữu AQ nộp 11.335.000 đ (Mười một triệu ba trăm ba mươi năm ngàn đồng) án phí.

Anh Nguyễn Hữu AH nộp 11.292.000 đ (Mười một triệu hai trăm chín hai ngàn đồng) án phí.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* AQ, AH mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005535, 0005536 ngày 03-07-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, AH, AQ đã nộp xong.

Bà Đ được miễn án phí án phí DSPT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27-01-2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tx. P,
- TAND Tx. P;
- Chi cục THA DS Tx. P;
- Các đương sự.
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lý Thị Lệ Thủy

